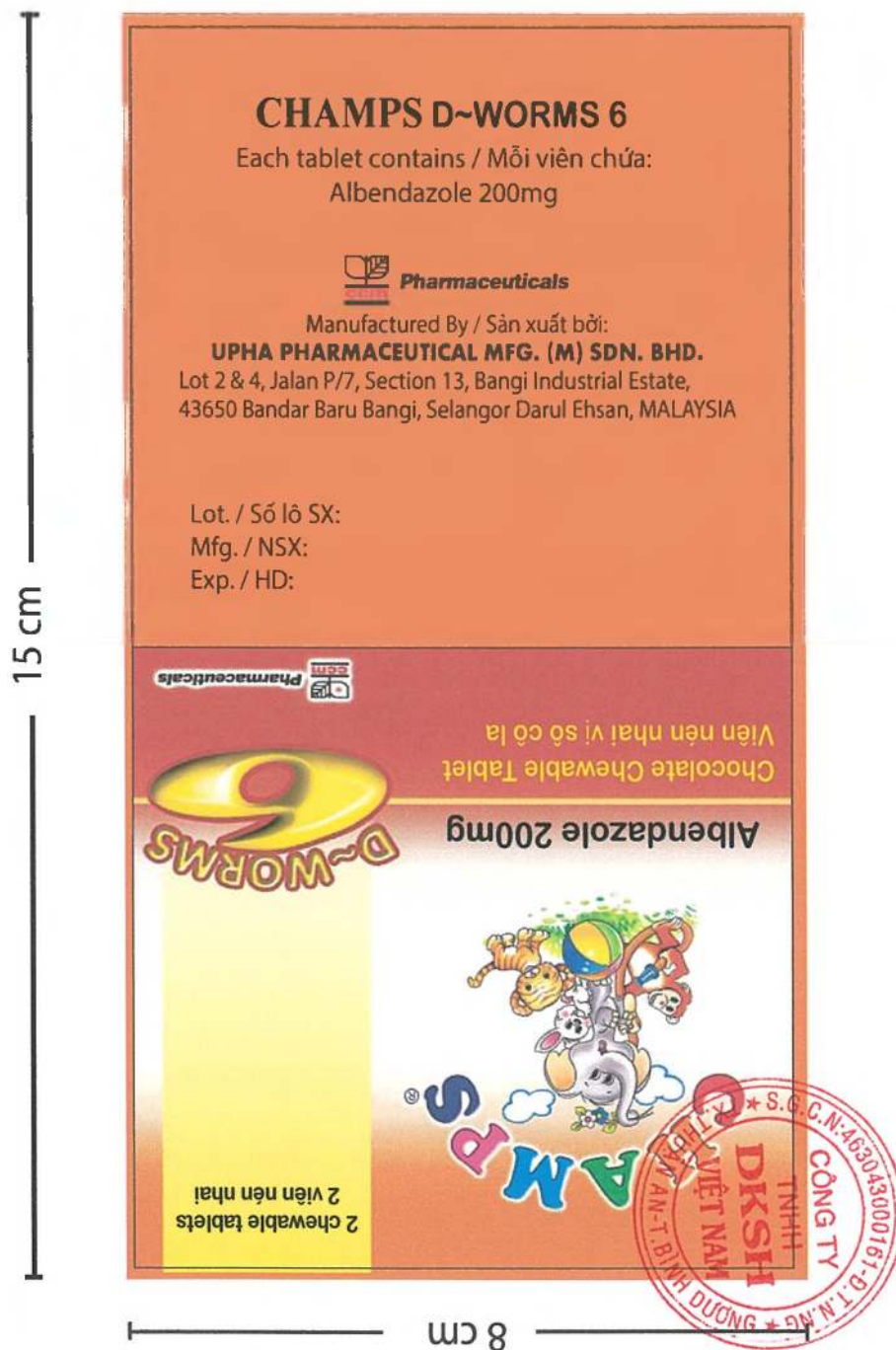






CHAMPS D-WORMS 6

Albendazole 200 mg
Viên nén nhai vị sô cô la



THÀNH PHẦN

Mỗi viên chứa 200mg Albendazole.

Tá dược: Icing sugar, Mannitol, bột sữa kem, bột cocoa, dịch chiết mạch nha, Chocolate Brown HT, Kollidon 30, Magnesi stearate.

DẠNG BẢO CHẾ

Viên nén nhai.

CHỈ ĐỊNH

Điều trị nhiễm một loại hay nhiều loại ký sinh trùng đường ruột bao gồm giun đũa, giun tóc, giun kim, giun móc và sán dây.

LIỀU DÙNG VÀ CÁCH DÙNG

Đường dùng: Nhai viên thuốc trước khi nuốt.

Đối với nhiễm giun đũa, giun tóc, giun kim hoặc giun móc:

- Trẻ em từ 1 – 2 tuổi : dùng liều duy nhất 1 viên.
- Trẻ em trên 2 tuổi và người lớn: dùng liều duy nhất 2 viên.

Đối với nhiễm sán dây: Điều trị có thể lặp lại sau 3 tuần.

- Trẻ em từ 1 – 2 tuổi: dùng một viên mỗi ngày trong 3 ngày liên tục.
- Trẻ em trên 2 tuổi và người lớn: dùng 2 viên mỗi ngày trong 3 ngày liên tục.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Champs D-worms 6 không được dùng cho các trường hợp sau:

- Mẫn cảm với một trong các thành phần của thuốc.
- Phụ nữ mang thai hay nghi ngờ có thai hoặc cho trẻ dưới 1 tuổi.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG SỬ DỤNG

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Để biết thêm thông tin, xin vui lòng hỏi ý kiến bác sĩ.

Người bệnh có chức năng gan bất thường trước khi bắt đầu điều trị bằng albendazole cần phải cân nhắc cẩn thận vì thuốc bị chuyển hóa ở gan và đã thấy một số ít người bệnh bị nhiễm độc gan. Cũng cần thận trọng với các người bị bệnh về máu.

PHỤ NỮ MANG THAI VÀ CHO CON BÚ

Albendazole không được dùng cho phụ nữ mang thai ngoại trừ trong vài trường hợp lâm sàng mà không có điều trị thay thế nào thích hợp. Bệnh nhân không nên có thai ít nhất 1 tháng sau khi ngừng điều trị Albendazole. Nếu có thai trong thời gian dùng thuốc, bệnh nhân phải được báo cho biết khả năng nguy hại đến thai và ngưng điều trị albendazole ngay lập tức.

Chưa được biết albendazole có bài tiết qua sữa hay không, do đó cần thận trọng khi sử dụng albendazole cho phụ nữ cho con bú.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC ĐẾN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC

Không nên lái xe và vận hành máy móc khi dùng thuốc do có khả năng gây ra các tác dụng không mong muốn như nhức đầu, chóng mặt...

TƯƠNG TÁC THUỐC VÀ CÁC DẠNG TƯƠNG TÁC KHÁC

Dexamethason: Nồng độ ổn định lúc thấp nhất trong huyết tương của albendazol sulfoxid cao hơn khoảng 50% khi dùng phối hợp thêm 8 mg dexamethason với mỗi liều albendazol (15 mg/kg/ngày).

Praziquantel: Praziquantel (40 mg/kg) làm tăng nồng độ trung bình trong huyết tương và diện tích dưới đường cong của albendazol sulfoxid khoảng 50% so với dùng albendazol đơn độc (400 mg).

Cimetidin: Nồng độ albendazol sulfoxid trong mật và trong dịch nang sán tăng lên khoảng 2 lần ở người bị bệnh nang sán khi dùng phối hợp với cimetidin (10 mg/kg/ngày) so với dùng albendazol đơn độc (20 mg/kg/ngày).

Theophyllin: Dược động học của theophyllin (truyền trong 20 phút theophyllin 5,8 mg/mg) không thay đổi sau khi uống 1 lần albendazol (400 mg).

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Tác dụng không mong muốn:

Còn thiếu các thử nghiệm lâm sàng có kiểm tra trên phạm vi rộng để đánh giá rõ hơn độ an toàn của thuốc.

Khi điều trị thời gian ngắn (không quá 3 ngày) có thể thấy vài trường hợp bị khó chịu ở đường tiêu hóa (đau vùng thượng vị, tiêu chảy) và nhức đầu.

Trong điều trị bệnh nang sán hoặc bệnh ấu trùng sán lợn có tổn thương não (neurocysticercosis) là những trường hợp phải dùng liều cao và dài ngày, tác dụng có hại thường gặp nhiều hơn và nặng hơn.

Thông thường các tác dụng không mong muốn không nặng và hồi phục được mà không cần điều trị. Chỉ phải ngừng điều trị khi bị giảm bạch cầu (0,7%) hoặc có sự bất thường về gan (3,8% trong bệnh nang sán).

Thường gặp: Sốt, nhức đầu, chóng mặt, biểu hiện ở não, tăng áp suất trong não, chức năng gan bất thường, đau bụng, buồn nôn, nôn, rụng tóc (phục hồi được).

Ít gặp: Phản ứng dị ứng, giảm bạch cầu, ban da, mày đay, suy thận cấp.

Hiếm gặp: Giảm bạch cầu hạt, giảm huyết cầu nói chung, mất bạch cầu hạt, giảm tiểu cầu.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

CÁC TRIỆU CHỨNG VÀ ĐIỀU TRỊ QUÁ LIỀU

Rối loạn tiêu hóa, đau bụng hay khó chịu, tiêu chảy, buồn nôn và ói có thể xảy ra và kéo dài trong vài giờ.

Trong trường hợp quá liều, nên điều trị triệu chứng (như rửa dạ dày và than hoạt tính) và kết hợp vài phương pháp hỗ trợ thông thường khác.

Hạn dùng

36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Bảo quản

Bảo quản nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C.

Đề thuốc xa tầm tay của trẻ em.

Không dùng thuốc quá hạn sử dụng đã ghi trên bao bì.

Qui cách:

Hộp 1 gói x 2 viên nhai.



Pharmaceuticals

Sản xuất bởi:

UPHA Pharmaceutical Manufacturing (M) Sdn.Bhd. (53667-M)

Lot 2 & 4, Jalan P/7, Section 13, Bangi Industrial Estate, 43650 Bandar Baru Bangi, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.

Handwritten signature in blue ink.



Handwritten signature in blue ink over the official stamp.

PHÓ CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Văn Thanh

